TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/7/2025 và ngày 15/8/2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-DS ngày 28/5/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 108/2025/QĐST-DS ngày 24/6/2025; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 17/7/2025 giữa:

**** Nguyên đơn:*** *Anh Lê Quyết T1, sinh năm 1985 (có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

(nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh)

**** Bị đơn:*** *Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987 và chị Thân Thị L, sinh năm 1990 (anh B, chị L đều xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đồng Thanh, xã Toàn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

-Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984 (vợ anh T1) (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

(nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh).

-Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

(nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Quyết T1 trình bày: Ngày 04/11/2023 dương lịch, vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L có nhờ anh đứng ra vay hộ số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) của ông Dương Văn C, sinh năm 1973 và bà Ngụy Thị U, sinh năm 1975 địa chỉ thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc

Ninh). Số tiền cho vay thì anh C đã chuyển vào tài khoản của anh, sau đó anh chuyển luôn vào tài khoản của chị L ngay. Sau đó anh và chị L, anh B có làm giấy xác nhận và giấy biên nhận nhận tiền cùng ngày 04/11/2023 để làm tin cho khoản vay. Anh B, chị L thỏa thuận sau 08 đến 12 ngày thì sẽ trả số tiền trên, mục đích anh B, chị L vay để làm ăn, lấy hàng. Anh xác định chữ viết và chữ ký *"Thân Thị L"* và *"Nguyễn Văn B"* tại giấy xác nhận và giấy biên nhận nhận tiền cùng ngày 04/11/2023 là do anh B, chị L viết và ký, khi vay không thỏa thuận tiền lãi vì anh là người đứng ra hỏi vay hộ. Kể từ ngày vay thì anh B, chị L chưa trả được số tiền gốc nào. Sau khi hết thời hạn vay, ông C, bà U có yêu cầu anh trả tiền, anh đã đòi anh B, chị L nhiều lần, nhưng anh B, chị L vẫn chưa trả được cho anh số tiền nào để anh trả cho ông C, bà U. Anh xác định số tiền này là của cá nhân anh vì anh vay của người khác cho vợ chồng anh B và chị L vay.

Nay anh yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L phải trả cho cá nhân anh số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm kể từ ngày 01/1/2024 cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa anh T1 có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*Bị đơn chị Thân Thị L trình bày: Ngày 04/11/2023, anh T1 có chuyển khoản cho chị số tiền 499.999.999 đồng theo số tài khoản 100869118984 của Ngân hàng C1. Mục đích anh T1 chuyển khoản số tiền trên là do chị vay của anh T1 để cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang vay (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh), thời hạn vay thỏa thuận bằng miệng là khoảng 8 đến 12 ngày thì trả. Sau đó vợ chồng chị có ký vào giấy xác nhận đề ngày 04/11/2023, chị xác nhận chữ ký và chữ viết *"B, Nguyễn Văn B" và " L, Thân Thị L"* là do chị và chồng chị viết và ký. Tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 04/11/2023 thì chữ ký *"L, Thân Thị L"* là do chị viết và ký. Chị xác định đây là nợ riêng cá nhân chị, vì chị làm ăn riêng. Hiện nay vợ chồng chị vẫn chung sống với nhau. Đối với các khoản tiền làm ăn của cá nhân có phục vụ vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Hiện nay chồng chị vẫn ở nhà, sáng đi làm tối về, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi về chồng chị đã nhận được nhưng do nay chồng chị bận đi làm nên không lên Tòa án làm việc được.

Nay anh T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả anh số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm từ ngày 01/01/2024 cho đến khi xét xử thì chị đồng ý trả số tiền trên.

Anh Nguyễn Văn B đã được tống đạt hợp lệ, nhưng xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử.

Tại phiên tòa anh B, chị L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K (vợ anh T1) trình bày: Chị xác định là tiền riêng của anh T1, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Chị xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và chị L có quan hệ họ hàng với nhau, chị xác định chị không nhờ chị L vay cho số tiền 500.000.000 đồng của anh Lê Quyết T1, việc vay mượn giữa chị L với anh T1 cụ thể như nào chị không được biết, chị cũng không gặp anh T1 bao giờ mà chỉ biết. Việc mẹ chị là bà Nguyễn Thị T2 thì sau này chị được nghe mẹ chị kể lại anh B và chị L có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cảu mẹ tôi để vay tiền mua bán hàng. Nay anh T1 yêu cầu chị L và anh B trả số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi chậm trả

10%/năm tính từ ngày 01/4/2024 cho đến ngày xét xử, thì chị xác định không liên quan đến chị và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5-Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quyết T1.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Quyết T1 số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi là 81.107.372 đồng.Tổng cả gốc và lãi là 581.107.372 đồng (Năm trăm tám mốt triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng, ba trăm bảy mươi hai đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu 27.244.295 đồng.

Hoàn trả anh Lê Quyết T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.320.000 đồng theo biên lai số 0004573 ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh)

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Anh Lê Quyết T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B, chị L trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Lê Quyết T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B và chị L trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 01/01/2024 cho đến khi xét xử thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều xác định vợ chồng anh B và chị L với anh T1 có viết giấy vay số tiền gốc 500.000.000 đồng đề ngày 04/11/2023, hai bên không tính lãi, có thời hạn trả. Tuy nhiên, hết thời hạn trả thì vợ chồng anh B và chị L không trả được cho anh T1 số tiền

trên. Chị L xác định là nợ riêng, còn anh T1 xác định nợ chung của hai vợ chồng anh B và chị L và là tài sản riêng của cá nhân anh. Nay anh T1 khởi kiện vợ chồng anh B và chị L trả số tiền còn nợ và lãi chậm trả là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Chị L xác định là nợ riêng, nhưng trong giấy nhận nợ thì có cả vợ chồng cùng ký, còn anh T1 xác định nợ chung của hai vợ chồng anh B và chị L và tiền riêng của anh T1 do anh T1 đi vay hộ. Do vậy, buộc vợ chồng anh B, chị L phải trả cho cá nhân anh T1 là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, khi vay hai bên có viết giấy vay đề ngày 04/11/2023, thời hạn vay từ 8 đến 12 ngày thì trả, đều xác định không có lãi, đến thời hạn trả nợ là ngày 17/11/2023 do vợ chồng anh B, chị L không trả được nợ nên phải trả lãi chậm trả. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 yêu cầu vợ chồng anh B, chị L trả lãi chậm trả 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2024 cho đến ngày xét xử thì chị L nhất trí. Xét thấy, mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2024 dương lịch đến ngày xét xử là 01 năm 07 tháng 14 ngày là 81.107.372 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T1 được chấp nhận nên vợ chồng anh B và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Anh Lê Quyết T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5-Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quyết T1.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Quyết T1 số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi là 81.107.372 đồng.Tổng cả gốc và lãi là 581.107.372 đồng (Năm trăm tám mốt triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng, ba trăm bảy mươi hai đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn B và chị Thân Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu 27.244.295 đồng (Hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Hoàn trả anh Lê Quyết T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.320.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai số 000 4573 ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự